**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TRONG**

**LĨNH VỰC KINH TẾ - XÃ HỘI ĐỊA PHƯƠNG[[1]](#footnote-1)**

 **TS. Bùi Đức Thụ**

*Thành viên Hội đồng tư vấn chính sách TC-TT Quốc gia,*

 *Nguyên Phó Trưởng ban Công tác đại biểu thuộc UBTVQH*

Hội đồng nhân dân giữ vị trí đặc biệt quan trọng trong hệ thống chính quyền địa phương ở nước ta. Là cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương, đại diện cho ý chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của Nhân dân, chịu trách nhiệm trước Nhân dân địa phương và cơ quan nhà nước cấp trên, Hội đồng nhân dân quyết định các vấn đề quan trọng ở địa phương, trong đó có vấn đề quyết định kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội (5 năm và hằng năm) của địa phương và giám sát việc tổ chức thực hiện. Trong những năm qua, cùng với quá trình đổi mới của đất nước, chất lượng và vị thế của Hội đồng nhân dân không ngừng được nâng lên, đồng thời cũng đang đặt ra nhiều khó khăn, thách thức. Để tiếp tục đổi mới, thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ đã được quy định trong Hiến pháp và pháp luật, một trong những nhiệm vụ trọng tâm của Hội đồng nhân dân là nâng cao chất lượng và hiệu quả trong việc quyết định kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương.

Trong phạm vi chuyên đề này chúng tôi tập trung làm rõ các vấn đề sau:

1. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân trong lĩnh vực kinh tế - xã hội địa phương;

2. Kỹ năng xem xét, quyết định kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương.

3. Kỹ năng giám sát hoạt động kinh tế - xã hội ở địa phương.

\*

\* \*

**I. NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA HĐND TRONG LĨNH VỰC KINH TẾ - XÃ HỘI ĐỊA PHƯƠNG**

Kinh tế - xã hội là vấn đề cực kỳ quan trọng. Phát triển kinh tế - xã hội không chỉ là nhiệm vụ trọng yếu của Nhà nước mà còn là mục đích của quản lý Nhà nước, là thước đo đánh giá sự phát triển của đất nước, đánh giá chất lượng và hiệu quả của quản lý Nhà nước.

Điều 113 của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã quy định: *“1. Hội đồng nhân dân là cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương, đại diện cho ý chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của Nhân dân, do Nhân dân địa phương bầu ra, chịu trách nhiệm trước Nhân dân địa phương và cơ quan nhà nước cấp trên.*

*2. Hội đồng nhân dân quyết định các vấn đề của địa phương do luật định; giám sát việc tuân theo Hiến pháp và pháp luật ở địa phương và việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân”.* Theo tinh thần đó, việc quyết định kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội địa phương và giám sát hoạt động của kinh tế - xã hội địa phương thuộc chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền của Hội đồng nhân dân.

**II. KỸ NĂNG XEM XÉT, QUYẾT ĐỊNH KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI ĐỊA PHƯƠNG**

**1. Nội dung chủ yếu của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội địa phương**

Một trong những nội dung quan trọng về chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền của Hội đồng nhân dân trong lĩnh vực kinh tế - xã hội là quyết định kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và kế hoạch hàng năm.

Vào năm cuối của kế hoạch 5 năm và cuối năm hiện hành, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân cấp, Ủy ban nhân dân xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm của giai đoạn tiếp theo và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của năm tới, trình Hội đồng nhân dân xem xét, quyết định. Đối với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm, kế hoạch đầu tư công trung hạn, kế hoạch sử dụng đất… cũng do Ủy ban nhân dân xây dựng, trình Hội đồng nhân dân quyết định theo thẩm quyền vào năm trước, liền kề của năm kế hoạch. Nhìn chung, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm của địa phương gồm các nội dung chủ yếu sau:

**1.1. Kỹ năng xem xét, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của năm hiện hành**

Căn cứ vào Nghị quyết của Hội đồng nhân dân về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và tình hình thực tiễn ở địa phương, Ủy ban nhân dân phải báo cáo kiểm điểm đánh giá về thực hiện Nghị quyết của Hội đồng nhân dân về kinh tế - xã hội của năm hiện hành. Hội đồng nhân dân phải thảo luận, đánh giá một cách thẳng thắn, khách quan về vấn đề này, cụ thể:

+ Quá trình chỉ đạo, tổ chức, triển khai thực hiện Nghị quyết về kinh tế - xã hội của Hội đồng nhân dân;

+ Kết quả đạt được theo từng mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể; báo cáo, phân tích, đánh giá từng chỉ tiêu đạt, vượt hoặc không đạt kế hoạch và so với cùng kỳ năm trước;

+ Làm rõ nguyên nhân chủ quan (về quản lý điều hành), nguyên nhân khách quan của quá trình lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, quản lý kinh tế - xã hội ở địa phương, nhất là những vấn đề tồn tại, yếu kém;

+ Làm rõ bài học kinh nghiệm được rút ra từ việc lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành kinh tế - xã hội của địa phương; làm rõ trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trong quản lý, điều hành kinh tế - xã hội ở địa phương.

**1.2. Kỹ năng xem xét, quyết định kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội địa phương trong thời gian tới**

***a) Bối cảnh trong nước, quốc tế*** ***và dự báo những vấn đề tác động đến việc phát triển kinh tế - xã hội của địa phương***

Hội đồng nhân dân thảo luận, làm rõ cơ sở, căn cứ của những nhận định, dự báo về tình hình chính trị, kinh tế - xã hội trong nước và quốc tế tác động đến kinh tế - xã hội của địa phương, những thuận lợi và khó khăn, thách thức, bảo đảm đánh giá khách quan, tương đối sát thực làm cơ sở xem xét, quyết định kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Cần đánh giá rõ thực trạng của kinh tế địa phương, nhất là những khó khăn, thách thức, những nút thắt cản trở sự phát triển của sản xuất kinh doanh làm cơ sở để quyết định kế hoạch trong thời gian tới tốt hơn.

***b) Mục tiêu tổng quát***

Mục tiêu tổng quát là những vấn đề chung về kinh tế - xã hội cần đạt được trong kỳ kế hoạch. Căn cứ vào tình hình thực tiễn của địa phương, Hội đồng nhân dân quyết định mục tiêu tổng quát trong kỳ kế hoạch. Mục tiêu tổng quát cần ngắn gọn, phản ánh mục tiêu, yêu cầu chung cần hướng tới. Mục tiêu tổng quát phải khơi dậy, khai thác được những tiềm năng, lợi thế của địa phương, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc cản trở sự phát triển kinh tế địa phương. Những mục tiêu tổng quát về phát triển kinh tế - xã hội địa phương thường tập trung vào các vấn đề sau:

- Thúc đẩy kinh tế tăng trưởng cao, bền vững;

- Ổn định kinh tế - xã hội địa phương; đảm bảo an sinh xã hội, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

- Đẩy mạnh chuyển đổi cơ cấu kinh tế; nâng cao chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế địa phương; huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực (vốn, lao động, tài nguyên); tăng năng suất lao động; nâng cao sức cạnh tranh của hàng hóa trong nước;…

- Giải pháp thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu trong Nghị quyết;

- Giải pháp đột phá: Đẩy mạnh cải cách hành chính, cơ cấu lại nền kinh tế, cơ chế thu hút các nguồn lực để phát triển kinh tế - xã hội, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp…

***c) Các chỉ tiêu cụ thể về phát triển kinh tế - xã hội địa phương***

*(1) Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trong tỉnh (GRDP)*

Trước kia, việc hạch toán tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trong tỉnh (GRDP) do cơ quan thống kê của từng tỉnh tính toán và công bố; một mặt do hạch toán trùng, mặt khác do chạy theo thành tích nên tốc độ tăng trưởng kinh tế của các địa phương thường cao từ 1,5 đến hơn 2 lần tốc độ tăng trưởng chung của cả nước. Để khắc phục tình trạng này và phản ánh đúng thực chất về tăng trưởng kinh tế, từ năm 2016, việc hạch toán tốc độ tăng trưởng kinh tế của các địa phương do Tổng cục thống kê thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư tính toán và công bố.

Căn cứ vào dự báo và tình hình kinh tế - xã hội trong tỉnh, Hội đồng nhân dân quyết định chỉ tiêu về tốc độ tăng trưởng GRDP và từng khu vực kinh tế của tỉnh (khu vực I nông lâm thủy hải sản; khu vực II công nghiệp và xây dựng; khu vực III dịch vụ).

*(2) Sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế*

- Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam là xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng XHCN theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa; vì vậy, nhiều tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đưa chỉ tiêu chuyển dịch cơ cấu kinh tế vào Nghị quyết phát triển kinh tế - xã hội, coi đó là nhiệm vụ chính trị phải thực hiện.

- Chỉ tiêu chuyển dịch cơ cấu kinh tế của từng địa phương nêu rõ khu vực I (nông lâm thủy hải sản), Khu vực II (công nghiệp và xây dựng), Khu vực III (dịch vụ) trong năm tới thay đổi, chiếm bao nhiêu phần trăm của GRDP.

- Việc hạch toán cơ cấu kinh tế theo giá hiện hành.

*(3) Tốc độ tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu.*

*(4) Tỷ lệ nhập siêu so với kim ngạch xuất khẩu (quy định trần).*

*(5) Tổng vốn đầu tư toàn tỉnh trên GRDP hiện hành.*

*(6) Tỷ lệ giảm hộ nghèo đa chiều.*

*(7) Ngoài ra, căn cứ vào tình hình thực tiễn, nhiều địa phương còn quy định nhiều chỉ tiêu khác như:*

- Tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị.

- Tạo việc làm mới cho người lao động.

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo từ 3 tháng trở lên có văn bằng chứng chỉ công nhận.

- Số bác sỹ trên 10.000 dân.

- Số giường bệnh trên 10.000 dân.

- Tỷ lệ hộ dân sử dụng nước sạch.

- Tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất có hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Nâng cao chỉ số quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI); chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI); chỉ số cải cách hành chính (PAR-index).

- Số xã được công nhận đạt tiêu chí nông thôn mới tăng thêm.

- Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế.

- Tỷ lệ che phủ rừng…

Khi xem xét, quyết định các chỉ tiêu cụ thể của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội địa phương cần lưu ý:

- Số lượng các chỉ tiêu phải phù hợp, không quá nhiều, không quá ít.

- Các chỉ tiêu phải đo đếm được; phải phù hợp, cụ thể hoá mục tiêu chung; phải phù hợp với chiến lược, kế hoạch phát triển trung dài hạn của kinh tế địa phương.

- Từng chỉ tiêu phải thể hiện tính tích cực nhưng phải bảo đảm tính thực tiễn, tính khả thi.

***d) Các nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu***

Tùy tình hình thực tiễn của từng địa phương mà có những giải pháp cụ thể như:

- Giải pháp về phát triển kinh tế: Cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh; khuyến khích khởi nghiệp, phát triển doanh nghiệp; đẩy mạnh tái cơ cấu kinh tế (sáp nhập, giải thể, phá sản, cổ phần hóa), thu hút vốn đầu tư trong và ngoài tỉnh để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế…

- Giải pháp về quản lý nhà nước đối với lĩnh vực nóng: Công tác quy hoạch, kế hoạch; đầu tư, xây dựng; khắc phục ô nhiễm môi trường; vệ sinh an toàn thực phẩm; ứng phó với biến đổi khí hậu…

- Giải pháp phát triển các ngành, lĩnh vực: Công nghiệp, nông lâm thủy sản; dịch vụ. Phát triển các lĩnh vực xã hội (văn hóa, giáo dục, y tế, khoa học công nghệ, đảm bảo an sinh xã hội…).

- Giải pháp về bảo đảm quốc phòng, an ninh và công tác đối ngoại.

- Giải pháp về cải cách hành chính, tinh giản bộ máy; phòng chống tham nhũng; giải quyết khiếu nại, tố cáo…

**2. Kỹ năng xem xét, quyết định kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội địa phương**

1. Quyết định kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội địa phương phải đặt trong tổng thể kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của cả nước.

2. Phải đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng, tuân thủ đường lối, chính sách về phát triển kinh tế - xã hội.

3. Phải tuân thủ các quy định của pháp luật, đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền.

4. Phải tiên tiến, tích cực, đồng thời phải bảo đảm tính khả thi.

5. Phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương, khai thác và phát huy các lợi thế so sánh của địa phương, nhất là những vấn đề cấp bách đang đặt ra, cần tháo gỡ, những tiềm năng, thế mạnh của địa phương.

6. Phát triển kinh tế phải gắn với việc giải quyết các vấn đề xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và bảo vệ môi trường.

7. Phải bảo đảm phát triển bền vững, duy trì các cân đối trong quá trình phát triển: cân đối giữa cung và cầu; giữa sản xuất và thị trường; giữa mục tiêu và khả năng thực hiện (về vốn, lao động, tài nguyên…); cân đối, thu hẹp sự cách biệt về trình độ phát triển giữa các vùng miền, đơn vị hành chính trong tỉnh…

8. Chú trọng chất lượng, hiệu quả tăng trưởng, phát triển.

9. Phải thể hiện tính đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội; năng động, sáng tạo, đổi mới mô hình tăng trưởng; đổi mới mục tiêu, phương thức quản lý kinh tế - xã hội; đẩy mạnh cải cách hành chính; khơi dậy các tiềm năng, nguồn lực ở địa phương; phát huy lợi thế so sánh của từng vùng…

10. Chuẩn bị kỹ về về nội dung Nghị quyết, nhất là những cơ chế, chính sách mới.

11. Ban hành cơ chế, chính sách mới phải đúng quy định của pháp luật, đúng thẩm quyền; đúng quy trình thủ tục của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; phải phù hợp với tình hình thực tiễn; bảo đảm tính khả thi cao.

12. Nâng cao chất lượng công tác thẩm tra, thẩm định.

13. Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan của Ủy ban nhân dân trong việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

14. Gửi tài liệu sớm, bố trí thời gian phù hợp để thảo luận, giải trình các vấn đề đại biểu HĐND nêu.

15. Cung cấp đầy đủ thông tin, số liệu, tài liệu liên quan đến nội dung của dự thảo nghị quyết; giải trình, làm rõ những vấn đề đặt ra.

16. Tăng cường chất lượng đội ngũ tham mưu, giúp việc; có cơ chế sử dụng chuyên gia, tham vấn…

**III. KỸ NĂNG GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG KINH TẾ - XÃ HỘI ĐỊA PHƯƠNG**

**1. Khái niệm giám sát của Hội đồng nhân dân**

- Giám sát là việc chủ thể giám sát theo dõi, xem xét, đánh giá hoạt động của cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát trong việc tuân theo Hiến pháp và pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình, xử lý theo thẩm quyền hoặc yêu cầu, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý.

- Giám sát của Hội đồng nhân dân là giám sát của cơ quan quyền lực Nhà nước, bảo đảm vai trò của Hội đồng nhân dân, tạo cơ sở, căn cứ để thực hiện chức năng quyết định các vấn đề quan trọng ở địa phương tốt hơn.

- Hội đồng nhân dân giám sát việc tuân theo Hiến pháp và pháp luật ở địa phương và việc thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân (Điều 113 Hiến pháp 2013).

- Giám sát của Hội đồng nhân dân bao gồm giám sát của Hội đồng nhân dân tại kỳ họp, giám sát của Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân.

**2. Kinh nghiệm, kỹ năng giám sát hoạt động kinh tế - xã hội của địa phương của Hội đồng nhân dân**

***(1) Chọn trúng vấn đề cần giám sát***

- Chọn trúng vấn đề giám sát có ý nghĩa quan trọng, là một trong những yếu tố quyết định chất lượng của hoạt động giám sát.

- Vấn đề cần tập trung giám sát là những vấn đề: (i) nóng, đang đặt ra, cần quan tâm giải quyết; (ii) vấn đề cử tri, báo chí, các đại biểu Hội đồng nhân dân nêu; (iii) Những vấn đề có dấu hiệu vi phạm pháp luật; (iv) Những vấn đề có dấu hiệu quản lý, sử dụng các nguồn lực kém hiệu quả; (v) Những vấn đề có vướng mắc về cơ chế, chính sách và tổ chức thực hiện; phục vụ cho việc sửa đổi, ban hành các cơ chế, chính sách mới của Đảng, chính quyền...

***(2) Xác định rõ đối tượng, phạm vi giám sát***

- Kinh tế - xã hội là vấn đề lớn, rộng khắp và phức tạp. Vì vậy, lựa chọn vấn đề giám sát phù hợp, cụ thể là vấn đề mấu chốt, quan trọng.

- Xác định rõ đối tượng, phạm vi giám sát, tránh tình trạng đối tượng giám sát không rõ, phạm vi giám sát quá rộng, không phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và điều kiện về thời gian, nhân lực… thực hiện giám sát.

- Trường hợp có nhiều vấn đề cần giám sát thì lựa chọn, ưu tiên các vấn đề quan trọng, cấp bách để giám sát.

***(3) Phân công các chủ thể giám sát, khảo sát vấn đề cần giám sát***

- Căn cứ vào mức độ quan trọng, phạm vi tác động để xác định vấn đề nào do Hội đồng nhân dân giám sát; vấn đề nào phân công cho Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân giám sát.

- Có thể tiến hành khảo sát để xác định trọng tâm cần làm rõ trước khi quyết định thành lập đoàn giám sát.

***(4) Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan hữu quan trong việc xây dựng chương trình, triển khai kế hoạch giám sát; khắc phục tình trạng chồng chéo, trùng lắp trong hoạt động, gây khó khăn cho hoạt động của các tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát***

- Căn cứ vào chương trình, kế hoạch giám sát của Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội để xây dựng kế hoạch giám sát cho phù hợp.

- Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan hữu quan như thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, Hội đồng nhân dân các cấp, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam… để khắc phục sự chồng chéo trong giám sát.

- Điều hòa, phân công, phối hợp ngay trong kế hoạch giám sát của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân.

 ***(5) Tranh thủ sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng***

- Tranh thủ sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng từ khâu xây dựng chương trình, kế hoạch giám sát đến khâu triển khai thực hiện, báo cáo kết quả giám sát và thực hiện Nghị quyết, kết luận giám sát.

- Tăng cường sự thống nhất trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện.

***(6) Chuẩn bị tốt về số liệu, tài liệu, thông tin liên quan đến nội dung giám sát***

- Chuẩn bị tốt về số liệu, tài liệu, thông tin liên quan đến nội dung giám sát là một trong những yếu tố quan trọng quyết định thành công và chất lượng của giám sát.

- Căn cứ vào từng nội dung giám sát để xác định các số liệu, tài liệu, thông tin liên quan đến nội dung giám sát.

- Các tài liệu, thông tin liên quan đến nội dung giám sát bao gồm:

+ Các quy định của pháp luật về vấn đề này;

+ Cơ chế quản lý, điều hành trong lĩnh vực này;

+ Các số liệu của cơ quan nhà nước, cơ quan thống kê, số liệu của KTNN, thanh tra, báo chí… qua các giai đoạn để đánh giá, phân tích, so sánh…

- Cần phân loại, đánh giá về phạm vi, độ tin cậy của các số liệu, tài liệu.

***(7) Thành phần đoàn giám sát***

Thành phần đoàn giám sát thực hiện theo quy định của Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân. Cụ thể:

a) Thành phần đoàn giám sát của HĐND phải bao gồm:

+ Chủ tịch Hội đồng nhân dân hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân làm Trưởng đoàn;

+ Ủy viên của Thường trực Hội đồng nhân dân, đại diện Ban của Hội đồng nhân dân và một số đại biểu Hội đồng nhân dân;

+ Đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp, tổ chức thành viên của Mặt trận có thể được mời tham gia Đoàn giám sát.

*b) Thành phần đoàn giám sát của Thường trực HĐND phải bao gồm:*

+ Phó Chủ tịch hoặc Ủy viên thường trực HĐND làm trưởng đoàn,

+ Đại diện các Ban của HĐND,

+ Một số đại biểu HĐND,

+ Đại diện MTTQ, tổ chức thành viên của MTTQ có thể được mời.

*c) Thành phần đoàn giám sát của Ban của HĐND phải bao gồm:*

+ Trưởng Ban hoặc Phó Trưởng ban làm Trưởng đoàn,

+ Ủy viên của Ban,

+ Một số đại biểu HĐND,

+ Đại diện MTTQ, tổ chức thành viên của MTTQ có thể được mời.

*d) Ưu tiên lựa chọn các thành viên sau:*

- Có bản lĩnh, dám phản ánh trung thực, khách quan, đầy đủ các vấn đề đặt ra;

- Có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ về lĩnh vực giám sát và những vấn đề liên quan đến nội dung giám sát.

- Không liên quan trực tiếp đến việc lãnh đạo, điều hành trong lĩnh vực đó, bảo đảm tính khách quan trong giám sát và khắc phục tình trạng “vừa đá bóng, vừa thổi còi”.

- Trong thành phần đoàn giám sát, vai trò của Trưởng đoàn rất quan trọng, không chỉ tổ chức hoạt động giám sát có chất lượng mà còn biết gợi mở những vấn đề đặt ra cần xem xét giải quyết.

***(8) Tổ chức, phối hợp, phân công cụ thể, hợp lý đối với từng thành viên đoàn giám sát***

Mỗi thành viên của đoàn phải nắm chắc nội dung giám sát nhưng đồng thời phải tập trung nghiên cứu sâu về một số vấn đề, tránh tình trạng nêu vấn đề chung chung, trùng lắp. Sự phân công này phải dựa trên năng lực, sở trường của từng thành viên đoàn giám sát và phải có sự trao đổi cần thiết, kỹ lưỡng giữa các thành viên trong đoàn trước khi triển khai hoạt động giám sát.

***(9) Đa dạng hóa các hoạt động giám sát: Khảo sát thực tiễn, sử dụng chuyên gia tư vấn, lấy ý kiến nhân dân, đối tượng thực hiện***

Trong thời gian qua, việc giám sát nặng về giám sát thông qua việc xem xét các báo cáo của đối tượng giám sát. Để nâng cao chất lượng, hiệu quả giám sát thì cần:

- Yêu cầu các cơ quan hữu quan báo cáo về các nội dung liên quan đến chủ đề giám sát.

- Tổ chức nghiên cứu, khảo sát, giám sát thực tiễn.

- Giám sát những vấn đề chuyên ngành, chuyên môn sâu, cần thuê chuyên gia tư vấn, trưng cầu giám định.

- Trong một số vấn đề thì cần tham vấn ý kiến nhân dân, lấy ý kiến của đối tượng áp dụng.

***(10) Truyền hình trực tiếp, mời phóng viên báo chí tham gia đưa tin***

Trong các hoạt động giám sát nói chung, giám sát chuyên đề nói riêng có thể được truyền hình trực tiếp, mời phóng viên, báo chí tham gia để đưa tin kịp thời về hoạt động giám sát, đồng thời tạo hiệu ứng tích cực trong việc nâng cao chất lượng hoạt động giám sát. Việc thông tin đầy đủ, kịp thời các hoạt động giám sát, nhất là những vấn đề nóng, đang được dư luận và nhân dân quan tâm không chỉ góp phần làm tăng vai trò của cơ quan dân cử, sự ủng hộ của người dân, mà còn tạo áp lực, dư luận xã hội buộc các tổ chức, cá nhân có trách nhiệm khắc phục những tồn tại, bất cập trong quản lý, điều hành.

***(11) Yêu cầu cơ quan thanh tra, kiểm toán làm rõ hoặc chuyển hồ sơ sang cơ quan điều tra***

Trong trường hợp đối tượng giám sát có dấu hiệu vi phạm pháp luật thì xem xét có thể yêu cầu cơ quan thanh tra, kiểm toán làm rõ hoặc chuyển hồ sơ sang cơ quan điều tra.

 ***(12) Nâng cao chất lượng của các báo cáo, kết luận giám sát***

Chất lượng giám sát phụ thuộc rất lớn vào nội dung các báo cáo, kết luận giám sát. Kết luận giám sát phải chỉ rõ kết quả đạt được, những tồn tại, hạn chế, sai phạm; nguyên nhân chủ quan, khách quan; chế độ trách nhiệm của từng tổ chức, cá nhân; giải pháp đối với từng tổ chức, cá nhân và thời hạn khắc phục.

Kết luận giám sát phải đúng với các quy định của pháp luật; phải trúng các vấn đề tồn tại, hạn chế đang đặt ra; phải bảo đảm tính khả thi.

***(13) Yêu cầu thực hiện kết luận giám sát***

- Yêu cầu đối tượng giám sát thực hiện nghiêm, đầy đủ, kịp thời kết luận giám sát và định kỳ báo cáo kết quả thực hiện.

- Kiến nghị, đề nghị các cấp, các ngành có liên quan chịu trách nhiệm chỉ đạo, đôn đốc thực hiện nghiêm, đầy đủ, kịp thời những vấn đề kết luận và kiến nghị trong báo cáo giám sát.

***(14) Thực hiện cơ chế hậu giám sát, có chế tài mạnh để ngăn chặn, xử lý sai phạm***

- Yêu cầu đối tượng bị giám sát thực hiện nghiêm, đầy đủ, kịp thời kết luận của đoàn giám sát, định kỳ báo cáo kết quả thực hiện.

- Kiến nghị, yêu cầu các cấp, các ngành có liên quan chịu trách nhiệm chỉ đạo thực hiện nghiêm, kịp thời những vấn đề kết luận và kiến nghị trong báo cáo giám sát.

- Tổ chức giám sát lại những vấn đề đặt ra.

- Trường hợp không thực hiện hoặc thực hiện chậm mà không có lý do chính đáng thì đưa vào nội dung chất vấn, lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm đối với các đối tượng này theo quy định của pháp luật.

- Trường hợp có dấu hiệu vi phạm pháp luật thì yêu cầu cơ quan thanh tra, kiểm toán hoặc chuyển hồ sơ sang cơ quan điều tra làm rõ như đã nêu ở trên.

***(15) Nâng cao chất lượng đại biểu, tăng dần tỷ lệ đại biểu chuyên trách trong các cơ quan dân cử***

Chất lượng đại biểu giữ vai trò quan trọng trong hoạt động của cơ quan dân cử; vì vậy, ngoài việc bảo đảm tính đại diện thì cần đặc biệt chú trọng đến chất lượng đại biểu, nhất là trình độ, năng lực để thực hiện chức năng đại diện và chức năng của cơ quan quyền lực Nhà nước.

Hiện tại, tỷ lệ đại biểu chuyên trách đã tăng lên qua các nhiệm kỳ. Về lâu dài, để tăng cường chất lượng hoạt động của cơ quan dân cử, khắc phục tình trạng “vừa đá bóng, vừa thổi còi” thì cần tiếp tục tăng dần tỷ lệ đại biểu chuyên trách.

***(16) Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng năng lực, kỹ năng hoạt động cho đại biểu dân cử***

Bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng hoạt động cho đại biểu dân cử đang là đòi hỏi cấp bách hiện nay, bởi vì: (i) số đại biểu tái cử chiếm tỷ lệ thấp, đại biểu mới tham gia cơ quan dân cử chiếm tỷ lệ lớn (khoảng 2/3 số lượng đại biểu); (ii) yêu cầu xem xét, quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước (đối với ĐBQH), vấn đề quan trọng ở địa phương (đối với đại biểu HĐND) đòi hỏi am hiểu sâu trên nhiều lĩnh vực nhưng mỗi đại biểu chỉ được đào tạo, hoạt động trong một số lĩnh vực. Trong thời gian tới, cùng với việc tạo lập cơ chế hỗ trợ đại biểu thì cần chú trọng đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng hoạt động cho đại biểu dân cử.

***(17) Xây dựng và thực hiện cơ chế đánh giá, bảo vệ đối với đại biểu dân cử***

Trong thời gian qua, việc đánh giá chất lượng hoạt động của đại biểu dân cử chưa tốt, có đại biểu phát biểu thẳng thắn, mạnh mẽ, phàn nàn đôi khi không nhận được sự ủng hộ cần thiết. Vì vậy, cần thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật hiện hành, đồng thời rà soát, bổ sung các quy định bảo đảm cho đại biểu dân cử phát huy trách nhiệm, thực hiện tốt nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

***(18) Có cơ chế, chính sách khen thưởng kịp thời đối với đại biểu dân cử***

- Đại biểu dân cử là một loại cán bộ trong hệ thống chính trị nước ta, cũng cần phải được đánh giá, khen thưởng như các cán bộ, công chức, viên chức và người láo động khác.

- Thực hiện khen thưởng kịp thời đối với đại biểu dân cử có thành tích, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

***(19) Nâng cao chất lượng của cơ quan tham mưu, giúp việc***

Đại biểu dân cử thường thay đổi nhiều theo nhiệm kỳ nhưng bộ máy tham mưu, giúp việc khá ổn định. Để nâng cao chất lượng hoạt động của cơ quan dân cử nói chung, của Hội đồng nhân dân nói riêng thì cần chú trọng bồi dưỡng, đào tạo, nâng cao năng lực cho bộ máy tham mưu, giúp việc.

Ngoài việc tuyển dụng, thu hút những người tài về công tác thì cần rà soát, sửa đổi, ban hành chế độ, chính sách đãi ngộ, sử dụng cán bộ, chuyên viên, người lao động của Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân hợp lý, công khai, minh bạch.

***(20) Bảo đảm đủ điều kiện vật chất để giám sát***

Bảo đảm đầy đủ về kinh phí, phương tiện đi lại và các điều kiện vật chất khác, không phụ thuộc vào sự hỗ trợ của đối tượng giám sát để bảo đảm chất lượng, tính khách quan của hoạt động giám sát.

Trong điều kiện nguồn lực vật chất có hạn, cần cân nhắc việc lựa chọn số lượng, quy mô, phạm vi giám sát cho phù hợp, tránh tình trạng bố trí nguồn lực không tương xứng với nhiệm vụ đặt ra.

\*

\* \*

Trên đây là những nội dung chủ yếu về kỹ năng xem xét, quyết định và giám sát về lĩnh vực kinh tế - xã hội của Hội đồng nhân dân.

*Xin trân trọng cảm ơn các đồng chí.*

1. Bài giảng về KT-XH cho HĐND tỉnh Kon Tum 9-10/8 năm 2023 [↑](#footnote-ref-1)